

Bản án số: 08/2025/HSST

Ngày 13/3/2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Bà: Lê Thị Tâm**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Quang Tùng và ông Lê Văn Bông**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên toà:

Ông: Đỗ Kế Mạnh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/HSST ngày 17/01/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

**1.** Nguyễn Quốc H, sinh năm 1963, tại xã Thiệu Thịnh, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn LT, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: Nguyễn Quốc K (đã chết); con bà: Trần Thị K (đã chết). Vợ: Lê Thị H; Bị cáo có 01 con sinh năm 1984; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 06/11/2024 hiện nay đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương (có mặt);

**2.** Cầm Thị C, sinh năm 1980, tại xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông: Phạm bá P (đã chết); con bà: Lương Thị T. Chồng: Chưa; Bị cáo có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2024 đến ngày 06/11/2024, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương (có mặt);

+ NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ LIÊN QUAN:

**1.**Chị Cầm Thị H, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá

2. Chị Lang Thị L, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá

3. Chị Lò Thị T, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá

4. Anh Cầm Bá H, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 28/10/2024, Nguyễn Quốc H đã lợi dụng việc một số người dân có nhu cầu vay vốn ngoài hệ thống tín dụng để làm ăn và chi tiêu nên H đã cho 03 người trên địa bàn xã LT, huyện TX vay tiền lấy lãi bằng hình thức vay tín chấp, với mức lãi suất 109,5%/năm để thu lợi bất chính. Đối với Cầm Thị C do có mối quan hệ tình cảm với Nguyễn Quốc H nên trong thời gian từ tháng 11/2023 đến ngày 28/10/2024 Cầm Thị C đã cùng Nguyễn Quốc H cho 01 người dân vay tiền và độc lập cho 02 người dân trên địa bàn xã LT, huyện TX vay tiền lấy lãi bằng hình thức vay tín chấp, với mức lãi suất dao động từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm để thu lợi bất chính. Việc thực hiện hoạt động cho vay được Nguyễn Quốc H thực hiện tại nơi ở của H ở thôn LT, xã LT, huyện Thường Xuân; Cầm Thị C hoạt động cho vay tại nơi ở của C ở thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân. Cụ thể như sau:

+ Đối với các khoản Nguyễn Quốc H cho vay gồm:

1. Cho chị Cầm Thị H, sinh năm 1982 trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay 04 lần tiền, với mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 17/4/2023, H cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), việc vay nợ được viết giấy vay nợ có chữ ký của chị H và trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Quá trình cho vay chị H đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 17/4/2023 đến ngày 22/10/2024 với tổng số tiền 49.000.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 107,4%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.123.288 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 39.876.712 đồng. Đến ngày 22/10/2024, chị H đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho H.

Lần thứ hai: Ngày 14/10/2023, H cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), việc vay nợ được viết giấy vay nợ có chữ ký của chị H và trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Quá trình cho vay chị H đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 14/10/2023 đến ngày 14/5/2024 với tổng số tiền 6.300.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 107,4%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.172.603 đồng, số tiền H thu lợi bất chính

là 5.127.397 đồng. Ngày 14/5/2024, chị H đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho H.

Lần thứ ba: Ngày 20/12/2023, H cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), việc vay nợ được viết giấy vay nợ có chữ ký của chị H và trả lãi bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt. Quá trình cho vay chị H đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 20/12/2023 đến ngày 22/5/2024 với tổng số tiền 4.500.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 105,9%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 849.315 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 3.650.685 đồng. Ngày 22/5/2024, chị H đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho H.

Lần thứ tư: Ngày 25/10/2024, H cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hai bên thỏa thuận viết giấy vay nợ. Đối với khoản vay này, đến nay H chưa trả được cho H số tiền gốc, tiền lãi nào. Số tiền lãi H nhằm thu đối với H trong khoản vay này là 90.000 đồng. Số tiền Nguyễn Quốc H được thu đúng là 16.438 đồng, số tiền nhằm thu lợi bất chính là 73.562 đồng.

2. Cho chị Lang Thị L, sinh năm 1994 trú tại thôn TH2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vay 02 lần tiền, với mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 28/6/2022, H cho chị L vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), việc vay nợ được ghi vào sổ của H và có chữ ký xác nhận của chị L. Hai bên thống nhất mỗi tháng chị L phải trả cho H số tiền lãi 2.700.000 đồng. Quá trình cho vay chị L đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 28/6/2022 đến ngày 28/9/2023 với tổng số tiền 40.500.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 107,5%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.528.767 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 32.971.233 đồng. Ngày 28/9/2023, chị L đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho H.

Lần thứ hai: Ngày 13/4/2024, H cho chị L vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), việc vay nợ được viết giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của chị L. Hai bên thống nhất mỗi tháng chị L phải trả cho H số tiền lãi 900.000 đồng. Quá trình cho vay chị L đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 13/4/2024 đến ngày 19/9/2024 với tổng số tiền 4.700.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 107,2%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 876.712 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 3.823.288 đồng. Đến ngày 19/9/2024, chị L đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho H.

3. Cho chị Lò Thị T, sinh năm 1987 trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay 02 lần tiền, với mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 12/7/2023, H cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng, việc vay nợ được ghi vào sổ của H và có chữ ký xác nhận của chị T. Hai bên thống nhất mỗi tháng chị T phải trả cho H số tiền lãi 4.500.000 đồng. Quá trình cho vay chị T đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho H từ ngày 12/7/2023 đến ngày 12/3/2024 với tổng số tiền 36.000.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 107,2%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.712.329 đồng, số tiền Nguyễn Quốc H đã thu lợi bất chính trong thời gian trên là 29.287.671 đồng. Từ

ngày 13/3/2024 đến ngày 28/10/2024 T chưa trả thêm được cho H số tiền lãi nào, số tiền lãi H nhằm thu hồi với T trong khoản vay này là 34.500.000 đồng, trong đó số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.301.370 đồng, số tiền nhằm thu lợi bất chính là 28.198.630 đồng. Hiện tại chị T chưa trả số tiền gốc nói trên cho H.

Lần thứ hai: Vào ngày 11/11/2023, T hỏi vay H số tiền 50.000.000. Tuy nhiên do H không có ở nhà nên H hẹn T chiều xuống nhà Cẩm Thị C ở thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để lấy tiền và T đồng ý. Sau đó H đi đến nhà C, gặp C và đưa cho C số tiền 50.000.000 đồng và nói “chiều con T xuống lấy đưa cho con T vay 50.000.000 đồng lãi ba, bảo nó ghi vào sổ”, sau khi đưa tiền cho C xong thì H đi về nhà. Đến chiều tối cùng ngày, H gọi điện thoại cho C từ số điện thoại 0984099649 của H đến số điện thoại 0353045723 của C và nói “T xuống lấy tiền chưa”, C trả lời lại là “lấy rồi”. Khoảng hơn một tháng sau, khi H đang ở nhà C, tại đây H gặp T, sau đó H viết lại nội dung khoản vay trên vào sổ của C và yêu cầu T ký, xác nhận vào do H thấy nội dung khoản vay T viết trước đây chưa đầy đủ. Đối với khoản vay này, cả H và C thường xuyên nhắc nhở T trả tiền lãi và tiền gốc. Đến tối ngày 25/10/2024 khi H đang ở cùng với C tại nhà C thì T gọi điện thoại đến cho C để trao đổi về việc trả tiền lãi, quá trình C nói chuyện với T qua điện thoại có mở loa ngoài nên H nghe được nội dung. H và C tính được tổng số tiền lãi T phải trả từ thời điểm vay (11/11/2023) đến hết ngày 25/10/2024 là 51.700.000 đồng và trao đổi lại với T, sau đó T xin 1.700.000 đồng tiền lãi và không tính lãi đối với khoản vay trên kể từ ngày 26/10/2024 nữa và H đồng ý. Tổng số tiền lãi T đã trả cho H đối với khoản vay này là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 104,2%/năm. Số tiền Nguyễn Quốc H thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.589.041 đồng, số tiền Hùng thu lợi bất chính là 40.410.959 đồng. Hiện tại chị T chưa trả số tiền gốc nói trên cho H.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Nguyễn Quốc H còn cho Cao Thị L, sinh năm 1981 trú tại thôn T1, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay 200.000.000 đồng từ ngày 02/8/2024 đến hết ngày 18/10/2024 (78 ngày) với lãi suất thỏa thuận là 3.000.000đồng/01tháng (tương đương với lãi suất 18%/năm). Quá trình vay chị L đã trả lãi cho Hùng đối với khoản vay này là 7.800.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 18,25%/năm; Cho anh Lê Văn H, sinh năm 2000 trú tại thôn Làng P, xã XP, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vay 12.000.000 đồng vào ngày 11/10/2022 không lãi suất; cho anh Cẩm Bá C, sinh năm 1983 trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 40.000.000 đồng vào 27/7/2023 không có lãi suất; cho chị Lang Thị T, sinh năm 1986 trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 17.000.000 đồng vào ngày 05/11/2023 không có lãi suất.

+ Đối với các khoản Cẩm Thị C cho vay gồm: Ngoài việc cùng với Nguyễn Quốc H cho chị Lò Thị T vay vào ngày 11/11/2023 như đã nêu trên, Cẩm Thị C còn cho 02 người vay tiền với mức lãi suất trên 100%/năm nhiều lần như sau:

1. Cho anh Cẩm Bá H, sinh năm 1973, trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay 02 lần tiền, với mức lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 12/12/2023, C cho anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, việc vay nợ được viết giấy tay vay tiền và có chữ ký xác nhận của anh H. Đến ngày 21/12/2023, anh H trả cho C số tiền 20.600.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng là tiền vay gốc và 600.000 đồng là tiền lãi của 10 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi anh H đã trả cho C đối với khoản vay này là 600.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 109,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 109.589 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 490.411 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 21/12/2023, C cho anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, việc vay nợ được viết giấy tay vay tiền và có chữ ký xác nhận của anh H. Ngày 09/01/2024, anh H trả cho C 600.000 đồng tiền lãi của 20 ngày. Sau đó, đến ngày 29/01/2024 anh H đến gặp C xin kết thúc khoản vay nêu trên và C đồng ý. Đến ngày 02/02/2024, H đã trả cho C số tiền 10.600.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng là tiền vay gốc và 600.000 đồng là tiền lãi của 20 ngày (từ ngày 09/01/2024 đến ngày 29/01/2024). Tổng số tiền lãi anh H đã trả cho C đối với khoản vay này là 1.200.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 109,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 980.822 đồng.

2. Cho chị Lang Thị L, sinh năm 1994, trú tại thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay 07 lần tiền, với mức lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 182,5%/năm. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 01/02/2024, C cho chị L vay số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng), việc vay nợ được viết giấy tay vay tiền và có chữ ký xác nhận của chị L. Hai bên thỏa thuận trả lãi bằng cả hai hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt trực tiếp cho C. Quá trình cho vay chị L đã thanh toán tiền lãi của khoản vay cho C từ ngày 01/2/2024 đến ngày 01/7/2024 với tổng số tiền 8.250.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 180%/năm. Số tiền Cẩm Thị C thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 916.164 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 7.333.836 đồng. Ngày 01/7/2024, chị L đã trả số tiền gốc 11.000.000 đồng cho C.

Lần thứ hai: Ngày 19/4/2024, C cho chị L vay số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Đến ngày 25/4/2024, L trả cho C số tiền 2.070.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng là tiền vay gốc và 70.000 đồng là tiền lãi của 07 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi L đã trả cho C đối với khoản vay này là 70.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671 đồng, số tiền Cẩm Thị C đã thu lợi bất chính là 62.329 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 26/4/2024, C cho chị L vay số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Đến ngày 05/5/2024, L trả cho C số tiền 4.200.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng là tiền vay gốc và 200.000 đồng là tiền lãi của 10 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi L đã trả cho C đối với khoản vay này là 200.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.918 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 178.082 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 12/8/2024, Chinh cho chị L vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến ngày 23/8/2024, L trả cho C số tiền 5.275.000 đồng, trong đó

5.000.000 đồng là tiền vay gốc và 275.000 đồng là tiền lãi của 11 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi L đã trả cho C đối với khoản vay này là 275.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 30.137 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 244.863 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 09/9/2024, C cho chị L vay số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Đến ngày 23/10/2024, L trả cho C số tiền 675.000 đồng tiền lãi của khoản vay 3.000.000 đồng từ ngày 09/9/2024 đến ngày 23/10/2024, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 73.973 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính là 601.027 đồng. Sau đó, L vay tiếp của C số tiền 7.000.000 đồng và gộp với số tiền vay trước đó là 3.000.000 đồng thành khoản vay 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay này từ ngày 23/10/2024 đến ngày 28/10/2024 (05 ngày) L chưa trả được cho C số tiền gốc, tiền lãi nào cả. Số tiền lãi C nhằm thu đối với L trong khoản vay này là 250.000 đồng. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 27.397 đồng, số tiền nhằm thu lợi bất chính là 222.603 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 12/9/2024, C cho chị L vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến ngày 22/9/2024, L trả cho C số tiền 5.250.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng là tiền vay gốc và 250.000 đồng là tiền lãi của 10 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi L đã trả cho C đối với khoản vay này là 250.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 27.397 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 222.603 đồng.

Lần thứ bảy: Ngày 11/10/2024, C cho chị L vay số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Đến ngày 21/10/2024, L trả cho C số tiền 5.250.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng là tiền vay gốc và 250.000 đồng là tiền lãi của 10 ngày và đồng thời kết thúc khoản vay nêu trên. Tổng số tiền lãi L đã trả cho C đối với khoản vay này là 250.000 đồng, lãi suất cho vay thực tế là 182,5%/năm. Số tiền Cẩm Thị C được thu tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 27.397 đồng, số tiền C thu lợi bất chính là 222.603 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Cẩm Thị C còn cho chị Lang Thị T, sinh năm 1986 trú tại thôn Tiến 2, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 3.000.000 đồng vào ngày 14/01/2024 không có lãi suất; cho chị Trần Thị C, sinh năm 1961 ở thôn Tiến H2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 16/4/2024 không có lãi suất.

Ngày 28/10/2024, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Thường Xuân tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và vùng phụ cận của Cẩm Thị C và Nguyễn Quốc H. Quá trình khám xét, Cơ quan CSĐT đã phát hiện và thu giữ các đồ vật, tài liệu:

+ Tại nhà ở của Cẩm Thị C gồm: Tổng số tiền 44.600.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356804114343275, IMEI2: 356804114234045. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048000078046426. Điện thoại đã qua sử dụng của Cẩm Thị C; 03 (ba) tờ giấy kẻ ngang có ghi thông tin các khoản vay tiền.

+ Tại nhà ở của Nguyễn Quốc H gồm: 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356859119019403, IMEI 2: 356859119021599. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048831004849690. Điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Quốc H; 01 (một) quyển sổ màu đen, có kích thước dài rộng: 24x16 cm, bìa của quyển sổ được bọc da màu đen, mặt trước của quyển sổ có in các dòng chữ màu vàng: “CÔNG TY CP CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SON” và được viết chữ số màu trắng: “Sổ: 2018-2019”. Bên trong sổ có các tờ giấy kẻ ngang ghi các chữ viết, chữ ký.

Tại Kết luận giám định số: 4505/KL-KTHS ngày 25 tháng 11 năm 2024 Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356804114343275, IMEI2: 356804114234045. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048000078046426. Tìm thấy 2763 (hai bảy sáu ba) lịch sử cuộc gọi, 873 (tám bảy ba) tin nhắn SMS, 106 (một không sáu) tin nhắn Facebook, 1750 (một bảy năm không) tin nhắn zalo, 946 (chín bốn sáu) hình ảnh - Thể hiện trong Phụ lục.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356859119019403, IMEI 2: 356859119021599. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048831004849690. Tìm thấy 3638 (ba sáu ba tám) lịch sử cuộc gọi, 320 (ba hai không) tin nhắn SMS, 625 (sáu hai năm) tin nhắn Facebook, 3858 (ba tám năm tám) tin nhắn Zalo, 366 (ba sáu sáu) hình ảnh - Thể hiện trong Phụ lục. Quá trình kiểm tra nội dung kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, kết quả:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356804114343275, IMEI2: 356804114234045. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048000078046426, điện thoại đã qua sử dụng của Cẩm Thị C. Phát hiện vào tối ngày 25/10/2024 Lò Thị T, sinh năm 1987 trú tại thôn Tiến H2, xã LT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có gọi điện thoại đến cho Cẩm Thị C. Dữ liệu trên Kết luận giám định phù hợp với lời khai của Lò Thị T và Cẩm Thị C. Ngoài ra không phát hiện nội dung nào khác có liên quan.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356859119019403, IMEI 2: 356859119021599. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048831004849690, điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Quốc H. Phát hiện nội dung tin nhắn qua tài khoản zalo giữa Cẩm Thị H, sinh năm 1982 trú tại thôn Tiến H2, xã LT, huyện Thường Xuân với Nguyễn Quốc H, các nội dung tin nhắn liên quan đến việc vay tiền phù hợp với lời khai của Cẩm Thị H, lời khai của Nguyễn Quốc H và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Phát hiện nội dung tin nhắn vay tiền giữa Cao Thị L với Nguyễn Quốc H. Tiến hành làm việc với Cao Thị L và Nguyễn Quốc H xác định: Chị Cao Thị L vay H 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) từ ngày 02/8/2024 đến hết ngày 18/10/2024 (78 ngày) với mức lãi suất 18,25%/năm. Đối với khoản vay này H không thu lợi bất chính. Ngoài ra không phát hiện nội dung nào khác có liên quan.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Quốc H đã cho 03 người vay trong tất cả các

khoản vay có mức lãi suất trên với lãi suất cao hơn 5 lần mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (trên 100%/năm) là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Quốc H không cho vay cùng lúc số tiền nói trên mà có một số khoản vay sau khi thu nợ thì H tiếp tục cho vay. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc H sử dụng xoay vòng cho vay là 160.000.000 đồng, để thu lời bất chính tổng số tiền 183.420.173 đồng, trong đó H đã nhận được 155.147.945 đồng, còn 28.272.192 đồng người vay chưa thanh toán cho H theo thỏa thuận; Đối với Cẩm Thị C đồng phạm với Nguyễn Quốc H trong việc cho Lò Thị T vay 50.000.000 đồng vào ngày 11/11/2023 với lãi suất 104,2%/năm, thu lợi bất chính 40.410.959 đồng nên C phải chịu trách nhiệm chung cùng Hùng về khoản vay. Ngoài ra, Chinh còn sử dụng tổng số tiền 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, Cẩm Thị C không cho vay cùng lúc số tiền nói trên mà có một số khoản vay sau khi thu nợ thì C mới tiếp tục cho vay. Quá trình điều tra xác định số tiền gốc C sử dụng xoay vòng cho vay là 21.000.000 đồng để cho 02 người vay trong tất cả các khoản vay có mức lãi suất trên với lãi suất cao hơn 5 lần mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (trên 100%/năm) và thu lợi bất chính số tiền 10.589.178, trong đó C đã nhận được 10.336.575 đồng, còn 222.603 đồng người vay chưa thanh toán cho C theo thỏa thuận. Như vậy, xác định tổng số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Cẩm Thị C là 50.970.137 đồng.

Đối với Nguyễn Quốc H quá trình điều tra xác định Nguyễn Quốc H thực hiện hành vi cho vay thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự do tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay và thành khẩn khai báo.

Đối với Cẩm Thị C quá trình điều tra xác định không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự do tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đối với các hành vi Nguyễn Quốc H cho Cao Thị L, Lê Văn H, Cẩm Bá C và Lang Thị T vay tiền với mức lãi suất không vượt quá mức lãi suất tối đa (20%/năm) theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự hoặc không có lãi suất. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân không xử lý là phù hợp.

Đối với các hành vi Cẩm Thị C cho Lang Thị T và Trần Thị C vay tiền không có lãi suất. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân không xử lý là phù hợp.

\* Về việc thu giữ và xử lý vật chứng vụ án:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tổng số tiền 44.600.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356804114343275, IMEI2: 356804114234045. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048000078046426. Điện thoại đã qua sử dụng của Cẩm Thị C; 03 (ba) tờ giấy kê ngang có ghi thông tin các khoản vay tiền; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, số máy: A2111, có IMEI: 356859119019403, IMEI 2: 356859119021599. Kèm theo 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048831004849690. Điện thoại đã qua sử dụng của Nguyễn Quốc H; 01 (một)

quyển sổ màu đen, có kích thước dài rộng: 24x16 cm, bìa của quyển sổ được bọc da màu đen, mặt trước của quyển sổ có in các dòng chữ màu vàng: “CÔNG TY CP CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SƠN” và được viết chữ số màu trắng: “Sổ: 2018-2019”. Bên trong sổ có các tờ giấy kẻ ngang ghi các chữ viết, chữ ký.

+ Số tiền 191.000.000 đồng do Nguyễn Quốc H giao nộp.

+ Số tiền 71.770.000 đồng do Cẩm Thị C giao nộp.

- Xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền 44.600.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: Trả lại cho chị Vi Thị H 40.000.000 đồng, do đây là số tiền sau khi bán gỗ keo xong chị H mang xuống nhờ chị C cất giữ hộ, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng; Trả lại cho chị Cẩm Thị C 4.600.000 đồng do đây là tiền tiết kiệm từ việc bán hàng tạp hóa của chị C, không liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng và chị C cũng đã nộp lại đầy đủ số tiền vi phạm pháp luật và tiền thu lợi bất chính trong hoạt động cho vay lãi nặng của mình.

+ Đối với số tiền 191.000.000 đồng do Nguyễn Quốc H giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân đã trả lại tổng số tiền 114.736.986 đồng là tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Quốc H cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Cẩm Thị H số tiền 48.654.795 đồng; trả lại cho Lang Thị L số tiền 36.794.521 đồng; trả lại cho Lò Thị T số tiền 29.287.670 đồng; Đối với số tiền 76.263.014 đồng còn lại chuyển đến tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự, tại Kho bạc Nhà nước huyện Thường Xuân để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với số tiền 71.770.000 đồng là tiền Cẩm Thị C giao nộp. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân đã trả lại 50.747.534 đồng là tiền thu lợi bất chính của Cẩm Thị C cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Lò Thị T 40.410.959 đồng; trả lại cho anh Cẩm Bá H 1.471.233 đồng; trả lại cho chị Lang Thị L 8.865.342 đồng; Đối với số tiền 21.022.466 đồng chuyển đến tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự, tại Kho bạc Nhà nước huyện Thường Xuân để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 02 chiếc điện thoại di động nêu trên là công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo, hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

+ Đối với 03 (ba) tờ giấy vay tiền và 01 (một) quyển sổ ghi thông tin các khoản vay được chuyển theo hồ sơ vụ án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Quốc H đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Cẩm Thị H 48.654.795 đồng; trả lại cho Lang Thị L 36.794.521 đồng; trả lại cho Lò Thị T 29.287.670 đồng; Cẩm Thị C đã trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Lò Thị T 40.410.959 đồng; trả lại cho anh Cẩm Bá H 1.471.233 đồng; trả lại cho chị Lang Thị L 8.865.342 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSTX ngày 16/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Nguyễn Quốc H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cầm Thị C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Quốc Hùng và Cầm Thị C phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối các với bị cáo.

+ *Về trách nhiệm hình sự:*

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Quốc H, xử phạt Nguyễn Quốc H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng), thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với Cầm Thị C; xử phạt Cầm Thị C với mức phạt tiền từ 55.000.000 đồng (năm mươi lăm) triệu đồng đến 60.000.000 đồng (sáu mươi) triệu đồng.

+ *Về hình phạt bổ sung:* Phạt bổ sung bị cáo H từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ *Về các biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu số tiền 50.000.000.000 đồng của Nguyễn Quốc H sử dụng cho vay do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho Nguyễn Quốc H.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi theo quy định chính của bộ luật dân sự của Nguyễn Quốc H là 26.263.014 đồng. Tổng truy thu của Nguyễn Quốc H là 76.263.014 đồng, quá trình điều tra, Nguyễn Quốc H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 76.263.014 đồng nên công nhận H đã nộp đủ.

- Truy thu số tiền 11.000.000 đồng của Cầm Thị C cho vay của người có quyền lợi nghĩa vụ đã trả lại chi C.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền là lãi theo quy định của bộ luật dân sự của Nguyễn Quốc H và Cầm Thị C cho Lò Thị T vay là 9.589.041 đồng.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự của Cầm Thị Ch là 1.433.425 đồng. Tổng truy thu của Cầm Thị C là 22.022.466 đồng, quá trình điều tra C đã chủ động nộp lại số tiền là 21.022.466 đồng, do đó tiếp tục truy thu của Cầm Thị C số tiền 1.000.000 đồng.

- Truy thu chị Lò Thị T số tiền 100.000.000 đồng là số tiền Nguyễn Quốc H cho Lò Thị T vay, T chưa trả gốc cho H.

- Truy thu của chị Cầm Thị H số tiền 10.000.000 đồng là số tiền Nguyễn Quốc H cho H vay nhưng quá trình vay H chưa trả gốc cho H. Ngày 11/3/2025 chị H đã tự

nguyên giao nộp 10.000.000 đồng tại Chi Cục THADS huyện Thường Xuân theo biên lai số 0002887, công nhận chị H đã nộp đủ.

- Truy thu chị Lang Thị L số tiền 10.000.000 đồng là số tiền Chăm Thị C cho L vay nhưng quá trình vay L chưa trả gốc cho C. Ngày 11/3/2025 chị L đã tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục THADS huyện Thường Xuân theo biên lai 0002888, công nhận chị L đã nộp đủ số tiền.

Các bị cáo Nguyễn Quốc H và Chăm Thị C đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng của Chăm Thị C; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, của Nguyễn Quốc H, các điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) SIM có ghi bên ngoài: 8984048000078046426 của Chăm Thị C; 01 (một) SIM có ghi bên ngoài: 8984048831004849690 của Nguyễn Quốc H.

+ Đối với 03 (ba) tờ giấy kẻ ngang có ghi thông tin các khoản vay tiền; 01 (một) quyển sổ màu đen, có kích thước dài rộng: 24x16 cm, bìa của quyển sổ được bọc da màu đen, mặt trước của quyển sổ có in các dòng chữ màu vàng: “CÔNG TY CP CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SƠN” và được viết chữ số màu trắng: “Sổ: 2018-2019”. Bên trong sổ có các tờ giấy kẻ ngang ghi các chữ viết, chữ ký được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên

toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến ngày 28/10/2024, lợi dụng nhu cầu vay tiền của người dân trên địa bàn xã LT, huyện Thường Xuân, tại nơi ở của Nguyễn Quốc H và nơi ở của Cẩm Thị C. Nguyễn Quốc H đã sử dụng tổng số tiền 160.000.000 đồng dùng để xoay vòng cho 03 cá nhân vay tiền nhiều lần với lãi suất gấp trên 05 lần lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự (tức là lãi suất trên 100%/năm) để thu lợi bất chính là tổng 183.420.173 đồng, trong đó H đã nhận được 155.147.945 đồng, còn 28.272.192 đồng người vay chưa thanh toán cho H theo thỏa thuận.

Đối với Cẩm Thị C đồng phạm với Nguyễn Quốc H trong việc cho Lò Thị T vay 50.000.000 đồng tại nơi ở của C ở thôn TH2, xã LT, huyện Thường Xuân vào ngày 11/11/2023 để cùng thu lợi bất chính 40.410.959 đồng. Ngoài ra, từ tháng 11 năm 2023 đến ngày 28/10/2024, C còn sử dụng tổng số tiền 21.000.000 đồng xoay vòng để cho 02 cá nhân vay tiền nhiều lần với mức lãi suất trên với lãi suất cao hơn 5 lần mức tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (trên 100%/năm) để thu lợi bất chính số tiền 10.589.178 đồng, trong đó C đã nhận được 10.336.575, còn 222.603 đồng người vay chưa thanh toán cho C theo thỏa thuận. Như vậy, xác định tổng số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Cẩm Thị C là 50.970.137 đồng. Như vậy đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Quốc H và Cẩm Thị C đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Nguyễn Quốc H theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS; Cẩm Thị C theo khoản 1 Điều 201 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, cần đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo Nguyễn Quốc H và Cẩm Thị C cùng cho Lò Thị T vay vào ngày 11/11/2023, trong đó Nguyễn Quốc H là người có vai trò chính trong vụ án. Cẩm Thị C là người thực hành, giúp sức cho Nguyễn Quốc H thực hiện hành vi phạm tội. Còn đối với những lần cho vay khác các bị cáo thực hiện hành vi độc lập nên phải chịu trách nhiệm riêng về những lần cho vay này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Quốc H chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Chinh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo H, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục số tiền thu lời bất chính cho những người vay, bị cáo Hùng được Ban quản lý thôn Liên Thành; Ủy ban nhân dân xã Luận Thành xác nhận về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ chồng không có nghề nghiệp gì, thường xuyên ốm đau, bệnh tiểu đường biến chứng và huyết áp cao, nên Thôn, UBND xã đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo cải tạo tại địa phương để có điều kiện cải tạo tốt và lo cho gia đình; năm 2024 bị cáo ủng hộ Quỹ vì người nghèo số tiền 1.000.000đồng, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Chinh, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục lại số tiền thu lời bất chính cho những người vay, bị cáo Chinh phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Chinh được Ban quản lý thôn TH2, Ủy ban nhân dân xã xác nhận về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là một người mẹ đơn thân, có 01 con trai sinh năm 2006, tuy nhiên cháu chậm chạp ít giao tiếp với mọi người xung quanh. Bị cáo C tích cực tham gia đóng góp cho thôn các loại quỹ, Thôn đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để chăm sóc gia đình do đó, được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, từ trước đến nay phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú nên giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy việc cách ly bị cáo Nguyễn Quốc H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vẫn đủ cơ sở cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo Hùng. Áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cẩm Thị C.

*Hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Nguyễn Quốc H 35.000.000đồng.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc 160.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Quốc H sử dụng để xoay vòng cho vay. Trong đó, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo 50.000.000 đồng; số tiền 100.000.000 đồng chị Lò Thị T và số tiền 10.000.000 đồng chị Cẩm Thị H chưa thanh toán cho bị cáo. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Do vậy, cần truy thu của bị cáo H số tiền 50.000.000 đồng, truy thu của chị Lò Thị T số tiền 100.000.000 đồng, truy thu của chị Cẩm Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền gốc 21.000.000 đồng mà bị cáo Cẩm Thị C sử dụng để xoay vòng cho vay. Trong đó, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo 11.000.000 đồng; số tiền 10.000.000 đồng chị Lang Thị L chưa thanh toán cho bị cáo. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà

nước. Do vậy, cần truy thu của bị cáo C số tiền 11.000.000 đồng, truy thu của chị Lang Thị L số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, do đây là khoản thu lợi từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công. Do vậy, buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền lãi phát sinh từ phạm tội là 26.263.014 đồng, bị cáo C phải nộp lại số tiền 11.022.046 đồng (gồm: 9.589.041 đồng thu của Lò Thị T trong lần cùng H cho T vay vào ngày 11/11/2023 và 1.433.425 đồng thu của anh Cẩm Bá H và chị Lang Thị L).

Như vậy, xác định tổng số tiền truy thu gồm:

- + Truy thu của Nguyễn Quốc H tổng số tiền là 76.263.014 đồng, quá trình điều tra, Nguyễn Quốc H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 76.263.014 đồng nên công nhận H đã nộp đủ.

- + Truy thu của Cẩm Thị C tổng số tiền là 22.022.466 đồng, quá trình điều tra C đã chủ động nộp lại số tiền là 21.022.466 đồng, do đó tiếp tục truy thu của Cẩm Thị C số tiền 1.000.000 đồng.

- + Truy thu chị Lò Thị T số tiền 100.000.000 đồng là số tiền Nguyễn Quốc H cho Lò Thị T vay, T chưa trả gốc cho H.

- + Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cẩm Thị H. Đây là số tiền gốc chị H vay của Nguyễn Quốc H, chị H đã giao nộp tại cơ quan thi hành án huyện Thường Xuân theo biên lai số 0002887 ngày 11/3/2025.

- + Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lang Thị L. Đây là số tiền gốc chị L vay của Cẩm Thị C, chị L đã giao nộp tại cơ quan thi hành án huyện Thường Xuân theo biên lai 0002888 ngày 11/3/2025.

Đối với số tiền thu lợi bất chính: Nguyễn Quốc H đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Cẩm Thị H số tiền 48.654.795 đồng; trả lại cho Lang Thị L số tiền 36.794.521 đồng; trả lại cho Lò Thị T số tiền 29.287.670 đồng; Cẩm Thị C đã trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm: Trả lại cho Lò Thị T số tiền 40.410.959 đồng; trả lại cho anh Cẩm Bá H số tiền 1.471.233 đồng; trả lại cho chị Lang Thị L số tiền 8.865.342 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan không yêu cầu H và C phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, đã qua sử dụng của Cẩm Thị C; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, đã qua sử dụng của Nguyễn Quốc H.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên ngoài: 8984048000078046426 của Cẩm Thị Chinh; 01 (một) SIM điện thoại có ghi bên

ngoài: 8984048831004849690 của Nguyễn Quốc H;

- Đối với 03 (ba) tờ giấy 03 (ba) tờ giấy kẻ ngang có ghi thông tin các khoản vay tiền; 01 (một) quyển sổ màu đen, có kích thước dài rộng: 24x16 cm, bìa của quyển sổ được bọc da màu đen, mặt trước của quyển sổ có in các dòng chữ màu vàng: “CÔNG TY CP CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SƠN” và được viết chữ số màu trắng: “Sổ: 2018-2019”. Bên trong sổ có các tờ giấy kẻ ngang ghi các chữ viết, chữ ký được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo H và C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Quốc H;

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Cẩm Thị C.

*Tuyên bố*: Nguyễn Quốc H và Cẩm Thị C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

*Xử phạt*: Nguyễn Quốc H 10 (mười tháng) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi tháng), thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/3/2025).

*Giao bị cáo Nguyễn Quốc H cho UBND xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.*

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

+ Cẩm Thị C mức phạt tiền là: 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

*Hình phạt bổ sung*: Nguyễn Quốc H số tiền là 35.000.000 đồng.

*Về các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Quốc H: Số tiền 76.236.014 đồng (50.000.000 đồng tiền gốc; 26.236.014 đồng tiền lãi thu theo quy định). Bị cáo đã nộp lại số tiền 76.236.014 đồng nên tịch thu sung công số tiền này để thực hiện nghĩa vụ của bị cáo. Công nhận bị cáo đã nộp đủ.

+ Truy thu đối với bị cáo Cẩm Thị C. Số tiền 22.022.466 đồng (11.000.000 đồng tiền gốc; 11.022.466 đồng tiền lãi theo quy định). Bị cáo C đã nộp số tiền 21.022.466

đồng nên tịch thu sung công số tiền này để thực hiện nghĩa vụ bị cáo, trừ đi số tiền đã nộp, bị cáo C còn phải nộp số tiền 1.000.000 đồng.

+ Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T số tiền 100.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc 10.000.000 đồng của chị Cẩm Thị H vay của Nguyễn Quốc H, chị H đã giao nộp tại Chi cục THADS huyện Thường Xuân theo biên lai số 0002887 ngày 11/3/2025. Công nhận chị H đã nộp đủ.

+ Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền gốc 10.000.000 đồng của chị Lang Thị L vay của Cẩm Thị C, chị L đã giao nộp tại Chi cục THADS huyện Thường Xuân theo biên lai 0002888 ngày 11/3/2025. Công nhận chị L đã nộp đủ.

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng của Cẩm Thị C; 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu trắng, của Nguyễn Quốc H, các điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy; 02 (hai) Sim điện thoại có ghi bên ngoài số: 8984048000078046426 và 8984048831004849690. Vật chứng vụ án được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục THADS huyện Thường Xuân giao nhận ngày 17/01/2025.

- Đối với 03 (ba) tờ giấy kẻ ngang có ghi thông tin các khoản vay tiền; 01 (một) quyển sổ màu đen, có kích thước dài rộng: 24x16 cm, bìa của quyển sổ được bọc da màu đen, mặt trước của quyển sổ có in các dòng chữ màu vàng: “CÔNG TY CP CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP LAM SƠN” và được viết chữ số màu trắng: “Sổ: 2018-2019”. Bên trong sổ có các tờ giấy kẻ ngang ghi các chữ viết, chữ ký được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

*Về án phí:* Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Buộc Nguyễn Quốc H và Cẩm Thị C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

*Quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/3/2025); những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện TX;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h. TX;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Lưu HSVA

(đã ký)

**Lê Thị Tâm**